

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: ĐÔNG NAM Á HỌC

MÃ SỐ: 7310620

*(Ban hành theo Quyết định số: 4433/QĐ-XHNV, ngày 27 tháng 11 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên ngành đào tạo:**
  - + Tiếng Việt: Đông Nam Á học
  - + Tiếng Anh: Southeast Asian Studies
- **Mã số ngành đào tạo:** 7310620
- **Trình độ đào tạo:** Cử nhân
- **Thời gian đào tạo:** 4 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
  - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Đông Nam Á học
  - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Southeast Asian Studies
- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

#### 1.2. Mục tiêu đào tạo

- Đào tạo những cử nhân có phẩm chất chính trị tốt, có kỉ luật, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức xây dựng đất nước, phát triển xã hội, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn cùng kiến thức hệ thống, chuyên sâu về Đông Nam Á học; có khát vọng và tư duy khởi nghiệp, có khả năng giải quyết được các nhiệm vụ công việc liên quan đến chuyên môn về Đông Nam Á, sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong công việc chuyên môn, sử dụng một ngôn ngữ bản địa khu vực trong giao tiếp cơ bản, có khả năng học tập và nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

#### 1.3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

### PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

##### 1.1. Kiến thức chung

- Vận dụng được kiến thức về khoa học Lý luận chính trị trong các hoạt động nghiệp vụ và nghiên cứu;

- Sử dụng được Ngoại ngữ ở trình độ B1 tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (gồm ngữ pháp và 4 kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết).

### **1.2. Kiến thức theo lĩnh vực**

- Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, thực hành văn bản, tra cứu, quản lý thông tin trong học tập và nghiên cứu;

- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội và Nhân văn vào trong học tập và nghiên cứu;

- Ứng dụng được kiến thức khoa học tự nhiên để phân tích, đánh giá các tư liệu khoa học xã hội, thích ứng với thời đại công nghiệp 4.0.

### **1.3. Kiến thức theo khối ngành**

- Phân tích và đánh giá được những vấn đề cơ bản về văn hóa, văn minh, lịch sử, tư tưởng và tình hình phát triển kinh tế diễn ra tại các nước phương Đông và mối liên hệ của nó với Đông Nam Á;

- Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khu vực học, báo chí, quan hệ công chúng, quan hệ quốc tế, khoa học du lịch, quản trị văn phòng, tôn giáo, nhân học trong các công việc chuyên môn về Đông Nam Á học có liên quan.

### **1.4. Kiến thức theo nhóm ngành**

- Vận dụng được phương pháp nghiên cứu Đông Nam Á học trong học tập ở bậc cao hơn và trong nghiên cứu về Đông Nam Á;

- Phân tích, đánh giá được các kiến thức tổng quan về địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, dân tộc, tôn giáo... của khu vực Đông Nam Á trong học tập, nghiên cứu ở trình độ cao cũng như trong công việc chuyên môn về Đông Nam Á;

- Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về quản trị nhân sự văn phòng, phát triển cộng đồng, văn hóa, marketing du lịch, tâm lý học giao tiếp... để hỗ trợ cho các công việc chuyên môn về Đông Nam Á học có liên quan;

- Có khả năng thiết lập, đề xuất các dự án, các chính sách phát triển cho cơ quan, công ty, hay một lĩnh vực văn hóa, tôn giáo, đối ngoại cho Việt Nam trên cơ sở các bài học rút ra từ các vấn đề liên quan ở Đông Nam Á.

### **1.5. Kiến thức ngành và hỗ trợ**

- Phân tích và đánh giá được tình hình địa lý, kinh tế, quan hệ khu vực, quốc tế (đặc biệt vấn đề biển Đông, vấn đề xây dựng Cộng đồng ASEAN), vấn đề phát triển du lịch, vấn đề di chuyển lao động... ở Đông Nam Á;

- Đề xuất được một số biện pháp giải quyết vấn đề hoặc một số biện pháp phát triển cho phía Việt Nam trong các công việc cụ thể thông qua các kiến thức đã được trang bị về các vấn đề liên quan ở Đông Nam Á;

- Sử dụng được tiếng Anh ở trình độ B2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (có khả năng nghe hiểu, trình bày, báo cáo sơ lược các vấn đề lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị của khu vực bằng tiếng Anh), đồng thời có thể sử dụng một thứ tiếng bản địa khu vực (lựa chọn hoặc tiếng Thái Lan hoặc tiếng Indonesia) tối thiểu ở

trình độ sơ cấp (có thể giao tiếp, viết thư từ ở mức độ đơn giản, có thể sử dụng từ điển để hiểu được một văn bản bằng tiếng bản địa);

- Vận dụng được kiến thức và kinh nghiệm từ quá trình làm niên luận, thực tập cho việc nghiên cứu hoặc trong công việc liên quan đến Đông Nam Á;

- Phân tích, đánh giá được các cơ hội, tiềm năng và thách thức của Đông Nam Á, từ đó vận dụng sáng tạo vào các công việc cụ thể có liên quan đến khu vực.

## **2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

### **2.1. Kỹ năng chuyên môn**

#### **2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp**

- Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo vào công việc thực tế; đánh giá được bản chất, sự biến đổi trong các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn và đưa ra kết luận;

- Vận dụng và phát triển được các kỹ năng ngoại ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở cả Tiếng Anh và tiếng bản địa khu vực trong công việc chuyên môn;

- Vận dụng được kỹ năng nghiên cứu (tra cứu tư liệu, tổng hợp, phân tích, so sánh đối chiếu, nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, nghiên cứu trường hợp, làm việc nhóm, điều tra phỏng vấn, điền dã...) cho công việc;

- Vận dụng được các kỹ năng thuyết trình, báo cáo, tranh luận, kỹ năng làm việc nhóm vào công việc.

#### **2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề**

- Có khả năng phát hiện và khái quát hóa vấn đề từ thực tiễn;

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin;

- Có khả năng nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện, đa chiều để giải quyết vấn đề một cách có hệ thống.

#### **2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức**

- Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khu vực học và Đông Nam Á học trong các bậc học và nghiên cứu cao hơn;

- Có khả năng khai thác, phân tích, tổng hợp các nguồn tư liệu (nguyên cấp, thứ cấp) bằng tiếng Việt, tiếng Anh và một tiếng bản địa khu vực để phục vụ cho việc học tập ở các lĩnh vực gần với Đông Nam Á học, ở các cấp bậc học cao hơn hoặc các cho nghiên cứu và công việc chuyên môn;

- Có khả năng tự học tập, tự đào tạo, tự nghiên cứu suốt đời.

#### **2.1.4. Kỹ năng thích nghi với tổ chức và sự biến đổi ngoại cảnh**

- Phân tích, đánh giá được tình hình phát triển tổ chức, cơ quan nơi mình làm việc cũng như sự biến đổi chung của xã hội;

- Có khả năng thích nghi nhanh chóng với sự thay đổi về tổ chức, xã hội;

- Có khả năng tổ chức các hoạt động, xác lập vị trí của mình trong tổ chức, cộng đồng.

#### **2.1.5. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp**

- Có khả năng đưa ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam từ các vấn đề của các nước Đông Nam Á;

- Có khả năng nghiên cứu và đề xuất các khuyến nghị nhằm khắc sâu sự hiểu biết, thúc đẩy quan hệ hữu nghị, ngoại giao, kinh tế giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác;

- Phát hiện và phát triển các cơ hội kinh doanh liên quan đến Đông Nam Á cho bản thân hoặc cho tổ chức, tập thể.

## **2.2. Kỹ năng bổ trợ**

### **2.2.1. Kỹ năng cá nhân**

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc. Có kỹ năng hội nhập và học tập suốt đời;

- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý. Có kỹ năng hoàn thành công việc dưới áp lực thời gian;

- Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.

### **2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm**

- Hòa đồng với mọi người. Có khả năng tạo liên kết giữa các thành viên trong nhóm;

- Biết cách làm việc theo nhóm trong các dự án, kế hoạch;

- Có thể xây dựng nhóm làm việc;

- Biết cách vận hành nhóm, lãnh đạo nhóm và phát triển nhóm.

### **2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo**

- Phát triển kỹ năng quản lý, lãnh đạo;

- Biết cách điều hòa các mối quan hệ trong tổ chức để tạo khối đoàn kết cùng phát triển.

### **2.2.4. Kỹ năng giao tiếp**

- Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp;

- Biết cách giao tiếp bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông;

- Có kỹ năng giao tiếp với các cá nhân và tổ chức.

### **2.2.5. Các kỹ năng bổ trợ khác**

- Sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng (WORD, EXCEL, POWER POINT...) trong soạn thảo văn bản;

- Có thể vận dụng được kỹ năng phần mềm chuyên dụng như Photoshop... cho công việc.

## **3. Về phẩm chất đạo đức**

### **3.1. Đạo đức cá nhân**

- Yêu nước và tự hào dân tộc;

- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn;

- Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, trung thực;

### **3.2. Đạo đức nghề nghiệp**

- Trách nhiệm, trung thực, công bằng, dân chủ;

- Tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập;

- Cảm thông, chia sẻ, hợp tác với đồng nghiệp;
- Ứng xử đúng mực, tôn trọng phong tục văn hóa các nước khác, đặc biệt là văn hóa các nước Đông Nam Á.

### **3.3. Đạo đức xã hội**

- Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Nhà nước;
- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc;
- Đấu tranh cho công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội, có ý thức chống tham nhũng.

### **4. Mức tự chủ và trách nhiệm**

- Có ý thức trách nhiệm (trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể) với công việc, đặc biệt trong các công việc liên quan đến Đông Nam Á;
- Có khả năng độc lập, tự chủ, biết định hướng, đưa ra kết luận trong công việc, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến Đông Nam Á;
- Hướng dẫn những người khác thực hiện nhiệm vụ liên quan đến các vấn đề Đông Nam Á;
- Đề xuất ý kiến, lập kế hoạch điều phối, phát triển quan hệ với các công ty, đối tác, các nước Đông Nam Á.

### **5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân Đông Nam Á học có thể làm các công việc sau:

- Giảng viên tại các trường đại học có đào tạo về Đông Nam Á học;
- Nghiên cứu viên tại các trung tâm, các viện nghiên cứu;
- Nhân viên tại các cơ quan nhà nước có quan hệ đối ngoại với các nước Đông Nam Á (Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc Phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa...), các sở ngoại vụ ở các tỉnh thành;
- Phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan báo chí ở Việt Nam và ở nước ngoài (phụ trách các mảng về Đông Nam Á);
- Nhân viên tại các doanh nghiệp Việt Nam có đối tác làm ăn với các nước Đông Nam Á (công ty du lịch, công ty xuất nhập khẩu...);
- Nhân viên tại các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức khu vực và quốc tế có liên quan tới các nước Đông Nam Á;
- Nhân viên của các đại sứ quán, lãnh sự quán... của các nước Đông Nam Á tại Việt Nam;
- Thư ký văn phòng, trợ lý đối ngoại, nhân viên dịch thuật, nhân viên quản lý, marketing... tại các công ty, doanh nghiệp của các nước Đông Nam Á (Thái Lan, Indonesia, Singapore...) tại nước ngoài cũng như tại Việt Nam;
- Có khả năng tự khởi nghiệp (lập các công ty, doanh nghiệp về du lịch, xuất nhập khẩu... hoặc lập các tổ chức xin tài trợ cho các dự án hoạt động, đặc biệt liên quan đến các nước Đông Nam Á).

### **6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tự nâng cao kiến thức lý thuyết, thực tiễn liên quan đến Đông Nam Á học và tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực Đông Nam Á học;

- Có khả năng tự mở rộng, phát triển kiến thức, kỹ năng sang các lĩnh vực chuyên môn khác (báo chí, du lịch, kinh doanh...);
- Có khả năng học lên bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) về Đông Nam Á học cũng như một số chuyên ngành gần và phù hợp khác.

### **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

**Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:** *(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh)* **138 tín chỉ**

**\* Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:** *(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh)* **16 tín chỉ**

**\* Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:** **29 tín chỉ**

- *Bắt buộc:* 23 tín chỉ

- *Tự chọn:* 6/18 tín chỉ

**\* Khối kiến thức chung theo khối ngành:** **24 tín chỉ**

- *Bắt buộc:* 18 tín chỉ

- *Tự chọn:* 6/24 tín chỉ

**\* Khối kiến thức theo nhóm ngành:** **13 tín chỉ**

- *Bắt buộc:* 7 tín chỉ

- *Tự chọn:* 6 tín chỉ

**\* Khối kiến thức ngành:** **56 tín chỉ**

- *Bắt buộc* 31 tín chỉ

+ *Tiếng Anh chuyên ngành:* 20 tín chỉ

+ *Tiếng bản địa:* 6/12 tín chỉ

+ *Học phần chuyên môn:* 5 tín chỉ

- *Tự chọn* 15/30 tín chỉ

- *Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần: 10 tín chỉ*  
*thay thế khóa luận tốt nghiệp:*

## 2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b> (không bao gồm học phần 7 và 8)	<b>16</b>				
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	30	15		
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	20	10		PHI1006
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
6	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
7		Giáo dục thể chất	4				
8		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>29</b>				
<b>II.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b> (không bao gồm học phần 17)	<b>23</b>				
9	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	9		
10	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1006
11	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
12	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	42	3		
13	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	39	6		
14	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	30	15		
15	PHI1054	Lôgic học đại cương	3	33	12		
16	INT1005	Tin học ứng dụng	3	15	30		
17		Kỹ năng bổ trợ	3				
<b>II.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6/18</b>				
18	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	10		
19	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	26	4		
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	20	10		
21	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	20	10		
22	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin	2	20	10		
23	LIT1053	Viết học thuật	2	20	10		
24	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	20	10		
25	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển	2	20	10		
26	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	20	10		
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>24</b>				
<b>III.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>18</b>				
27	FLH1155	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	4	16	40	4	
28	FLH1157	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	5	20	35	20	FLH1155
29	MNS1054	Khởi nghiệp	3	30	15		
30	SEA1100	Lịch sử - văn hóa và tư tưởng phương Đông	3	45			
31	SEA1102	Sự phát triển của kinh tế Đông Á	3	45			
<b>III.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6/24</b>				



Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
32	ITS1104	Khu vực học đại cương	3	30	15		
33	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	39	6		
34	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương	3	39	6		
35	ITS1100	Nhập môn Quan hệ quốc tế	3	30	15		
36	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	30	15		
37	ARO1151	Nhập môn Quản trị văn phòng	3	36	9		
38	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
39	REL1100	Tôn giáo học đại cương	3	39	6		
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>13</b>				
<b>IV.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>7</b>				
40	SEA1150	Nhập môn Đông Nam Á học	2	30			
41	SEA1151	Lịch sử Đông Nam Á	3	45			
42	SEA1159	Văn hóa Đông Nam Á	2	30			
<b>IV.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6</b>				
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	<i>6/15</i>				
43	SEA1154	Thế chế chính trị các nước Đông Nam Á	3	30	15		
44	SEA1160	Các dân tộc ở Đông Nam Á	3	30	15		
45	SEA1156	Tôn giáo ở Đông Nam Á	3	30	15		
46	SEA1158	Người Hoa ở Đông Nam Á	3	30	15		
47	SEA1157	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á	3	30	15		
		<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>	<i>6/24</i>				
48	ARO1161	Tổ chức văn phòng	3	36	9		ARO1151
49	ARO1162	Quản trị nhân sự văn phòng	3	30	15		ARO1151
50	TOU1150	Văn hóa du lịch	3	30	15		TOU2001
51	TOU1151	Marketing du lịch	3	30	15		TOU2001
52	PRS3004	Tổ chức sự kiện	3	30	15		PRS1100
53	ITS3121	Các vấn đề toàn cầu	3	30	15		
54	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	30	15		
55	PSY1153	Tâm lý học giao tiếp	3	30	15		PSY1051
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>56</b>				
<b>V.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>31</b>				
		<b>Tiếng Anh</b>	<b>25</b>				
56	SEA3001	Tiếng Anh chuyên ngành - Văn hóa Đông Nam Á	4	30	30		
57	SEA3021	Tiếng Anh chuyên ngành - Chính trị Đông Nam Á	4	30	30		
58	SEA3003	Tiếng Anh chuyên ngành - Kinh tế Đông Nam Á	4	30	30		
59	SEA3004	Tiếng Anh chuyên ngành - Lịch sử Đông Nam Á	4	30	30		
60	SEA3022	Tiếng Anh chuyên ngành - Xã hội Đông Nam Á	4	30	30		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<b>Tiếng bản địa khu vực</b>	6/12				
		<i>(Bắt buộc lựa chọn 1 trong 2 thứ tiếng)</i>					
61	SEA3005	Tiếng Thái sơ cấp 1	3	15	30		
62	SEA3006	Tiếng Thái sơ cấp 2	3	15	30		
63	SEA3007	Tiếng Indonesia sơ cấp 1	3	15	30		
64	SEA3008	Tiếng Indonesia sơ cấp 2	3	15	30		
		<b>Học phần chuyên môn</b>	5				
65	SEA1153	Địa lý nhân văn và kinh tế Đông Nam Á	3	45			
66	SEA3010	Cộng đồng ASEAN	2	30			
<b>V.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>15/30</b>				
67	SEA3023	Tiếng Indonesia trung cấp 1	3	15	30		
68	SEA3024	Tiếng Indonesia trung cấp 2	3	15	30		
69	SEA3025	Tiếng Thái trung cấp 1	3	15	30		
70	SEA3026	Tiếng Thái trung cấp 2	3	15	30		
71	SEA3027	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	3	45			
72	SEA3011	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN	3	45			
73	SEA3028	Biển Đông và sông Mekong ở Đông Nam Á	3	45			
74	SEA3029	Phát triển du lịch ở các nước ASEAN	3	45			
75	SEA3030	Lịch sử văn hóa xã hội các nước Đông Nam Á lục địa	3	45			
76	SEA3031	Lịch sử văn hóa xã hội các nước Đông Nam Á hải đảo	3	45			
<b>V.3</b>		<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>				
77	SEA4001	Niên luận	2	2	4	24	
78	SEA4002	Thực tập thực tế	3	3	42		
79	SEA4050	Khóa luận tốt nghiệp	5				
		<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>					
80	SEA4051	Một số vấn đề thách thức của Đông Nam Á đương đại	2	30			
81	SEA4052	Cơ hội và tiềm năng phát triển của khu vực Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập khu vực	3	45			
<b>Tổng cộng</b>			<b>138</b>				

**Ghi chú:** Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

